

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 18-7-2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu
2. Bà Nguyễn Thị Huệ

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồ Thu- Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2017/QĐXX-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2017/QĐST- HNGĐ ngày 29/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn D 2, xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1996

Đăng ký HKTT: Thôn D 2, xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Hiện ở địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Anh N, chị D đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là Anh Phạm Văn N trình bày:

Anh kết hôn với Chị Nguyễn Thị D do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại

UBND xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 14/9/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến đầu năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng nên thường xuyên cãi chửi nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 9/2016 đến nay, mặc dù sống chung cùng một nhà nhưng vợ chồng không quan tâm, hỏi han nhau, mỗi người ngủ một giường. Chị D là người ương bướng, ngang ngạnh và lười lao động, không tôn trọng gia đình nhà chồng, thường xuyên xô xát, cãi nhau với mẹ chồng. Đến ngày 29/5/2017 khi Toà án đang thụ lý giải quyết ly hôn thì Chị D đã đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn H, xã T, huyện Q, tỉnh Thái Bình sinh sống cho đến nay không về gia đình nhà chồng. Anh N xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn và xin ly hôn chị D.

Anh và Chị D có 01 con chung là Phạm Quốc P, sinh ngày 20/3/2016. Hiện nay con chung đang ở với chị D. Sau khi ly hôn, do con chung còn nhỏ nên anh đề cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh nhận trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D theo quy định của pháp luật. Hiện nay, anh làm nghề thợ mộc với thu nhập bình quân mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 5.500.000 đồng.

Về tài sản: Anh N khai anh và Chị D đã tự thoả thuận phân chia về tài sản, hiện vợ chồng không còn tài sản gì chung, vợ chồng không nợ cá nhân hay tổ chức tài sản gì. Anh không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn là Chị Nguyễn Thị D đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà và giấy triệu tập đến phiên toà nhưng Chị D vẫn vắng mặt tại các phiên hoà giải và phiên toà lần thứ nhất không có lý do. Quá trình chuẩn bị xét xử, Chị D chỉ có duy nhất một lần đến Toà án và có bản tự khai tại Toà án với nội dung: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận đến tháng 9 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau. Chị không đồng ý ly hôn với Anh N và không trình bày gì thêm. Toà án đã xuống địa phương và gia đình trực tiếp lấy lời khai của chị D. Tại biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2017, Chị D khai: Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cãi chửi nhau cũng như mâu thuẫn giữa chị và mẹ chồng thường hay va chạm nhau về việc nhà. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị có ngang bướng, không gọn gàng, hay bừa bộn trong khi chồng thì gọn gàng, ngăn nắp. Đồng thời, do chị không đi làm, không có tiền nên chồng và gia đình nhà chồng cho chị là ăn bám gia đình nhà chồng. Chị không lên Toà án giải quyết là do chị không muốn ly hôn vì muốn con có bố, có mẹ. Trường hợp Anh N cương quyết ly hôn thì chị phải chịu. Chị D xin nhận nuôi dưỡng con chung và yêu cầu Anh N phải góp cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Chị và Anh N hiện tại không có tài sản gì chung, không có nợ chung, Chị D không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản. Tại phiên toà hôm nay, Chị D đã có mặt và trình bày ý kiến như nội dung biên bản ghi lời khai trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên toà: *Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; đối với bị đơn*

quá trình giải quyết vụ án không có mặt để tham gia phiên họp về chứng cứ và hoà giải nhưng tại phiên toà hôm nay, bị đơn có mặt và tuân thủ đúng quy định tại khoản 15 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về quan hệ hôn nhân cần xử cho Anh N được ly hôn chị D; về quan hệ con chung cần xử giao con chung là Phạm Quốc P, sinh ngày 20/3/2016 cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc Anh N có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị D mỗi tháng từ 700.000 đồng đến 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản không đặt ra giải quyết. Anh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân giữa Anh Phạm Văn N và Chị Nguyễn Thị D xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã N, huyện Q, tỉnh Thái Bình đăng ký kết hôn vào ngày 14/9/2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo Anh N khai vợ chồng chung sống hoà thuận đến tháng 9 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau; Chị D có nhiều mâu thuẫn với mẹ chồng và gia đình nhà chồng. Vợ chồng đã chính thức ly thân từ tháng 9/2016 cho đến nay. Về phía Chị D đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Chị D chỉ lên Toà án một lần trình bày ý kiến tự khai với nội dung vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chị không đồng ý ly hôn, sau đó Chị D không đến Toà án để tham gia hoà giải và vắng mặt tại phiên toà lần thứ nhất không có lý do. Toà án phải xuống địa phương trực tiếp lấy lời khai chị D. Tại biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên toà hôm nay, Chị D xác định quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn giữa chị với chồng và với mẹ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị có ngang bướng, không gọn gàng nên thường va chạm với nhau về việc nhà và do chị không đi làm, không có tiền nên chồng và gia đình nhà chồng cho chị là ăn bám. Chị và con đã về nhà bố mẹ đẻ chị ở xã T, huyện Q sinh sống từ tháng 5/2017 cho đến nay. Việc Chị D không đến Toà án tham gia hoà giải thể hiện Chị D thiếu ý thức chấp hành pháp luật và không thiện ý để vợ chồng về đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa Anh N và Chị D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của Anh N, xử cho Anh N được ly hôn Chị D là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Hiện nay con chung của Anh N, chị D còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi đang ở cùng chị D; Anh N cũng nhất trí để Chị D nuôi dưỡng con chung và nhận trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật; cần giao con chung cho Chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình: Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Buộc Anh N phải có trách nhiệm

góp cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị D mỗi tháng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về quan hệ tài sản: Anh N và Chị D đều không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh Phạm Văn N được ly hôn Chị Nguyễn Thị D

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho Chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phạm Quốc P, sinh ngày 20/3/2016. Buộc Anh Phạm Văn N có trách nhiệm góp cấp dưỡng nuôi con chung cho Chị D mỗi tháng là **1.000.000 đồng** (*Một triệu đồng*). Thời gian góp cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 7/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi trưởng thành. Anh N được quyền thăm nom con chung.

3. Về án phí: Anh Phạm Văn N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

Chuyển số tiền 300.000 đồng Anh N đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003278 ngày 05/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh N còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn N và Chị Nguyễn Thị D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Phụ,
- Các đương sự,
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thế Hùng